HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **PHƯỜNG TÂN ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28 /NQ-HĐND	*Tân Định, ngày 12 tháng 8 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách phường Tân Định năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN ĐỊNH
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 260/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về dự toán thu ngân sách Nhà nước; thu, chi ngân sách năm 2026 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 484/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 22/2025/QĐ-CTUBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 30 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương của Thành phố (giữa các cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch vốn);

Căn cứ Quyết định số 3781/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 4755/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương giữa các cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch vốn (bao gồm điều chỉnh nội bộ) - đợt 5;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Tân Định về dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 phường Tân Định;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Tân Định về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 phường Tân Định;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Tân Định về điều chỉnh giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách phường Tân Định năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Tân Định về điều chỉnh giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách phường Tân Định năm 2026;

Xét Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Tân Định về điều chỉnh giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách phường Tân Định năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 10/BC-BKTNS ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân phường Tân Định tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Điều 1 Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Tân Định về điều chỉnh giao chỉ tiêu thu, chi ngân sách phường Tân Định năm 2026, cụ thể như sau:

"3. Số bổ sung từ ngân sách Thành phố ***416.157 triệu đồng***

Trong đó:

- Số bổ sung cân đối từ ngân sách Thành phố *113.185 triệu đồng*

- Số bổ sung từ ngân sách Thành phố để thực hiện cải cách tiền lương *147.505 triệu đồng*

- Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Thành phố *155.467 triệu đồng*

4. Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương: 8.948 triệu đồng

5. Tổng chi ngân sách phường năm 2026: ***458.746 triệu đồng***

- Chi đầu tư phát triển: *10.960 triệu đồng*

- Chi thường xuyên: *436.581 triệu đồng*

Bao gồm:

+ Chi sự nghiệp kinh tế *24.881 triệu đồng*

+ Chi sự nghiệp môi trường *13.574 triệu đồng*

+ Chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo & dạy nghề *183.355 triệu đồng*

+ Chi sự nghiệp y tế *53.524 triệu đồng*

+ Chi sự nghiệp văn hóa *7.041 triệu đồng*

+ Chi sự nghiệp xã hội *57.192 triệu đồng*

+ Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể *69.998 triệu đồng*

+ Chi an ninh *9.466 triệu đồng*

+ Chi Quốc phòng *14.777 triệu đồng*

+ Chi khác *2.773 triệu đồng*

- Dự phòng ngân sách: *11.205 triệu đồng"*

(Đính kèm: Biểu mẫu số 15, 16, 17, 34, 35, 37 - Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 ủa Chính phủ).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân phường Tân Định có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân phường Tân Định giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân phường Tân Định khóa I, Kỳ họp thứ năm thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- TT HĐND TP.Hồ Chí Minh;
- TT Đảng ủy phường;
- TT HĐND phường;
- UBND phường;
- VP HĐND và UBND phường;
- Các đại biểu HĐND phường;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

H.Đ.N.D PHƯỜNG TÂN ĐỊNH T.P HỒ CHÍ MINH

Lê Đức Thanh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN ĐỊNH

Biểu mẫu số 15

(Ban hành kèm theo Nghị định số: 31/2017/NĐ-CP của Chính phủ)

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày12/8/2026 của Hội đồng nhân dân phường Tân Định)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán HĐND phường giao năm 2026 tại Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/6/2026	Dự toán điều chỉnh đợt này		Tổng dự toán năm 2026 sau điều chỉnh
			Dự toán tăng để thực hiện các nhiệm vụ phường	Tổng cộng	
A	B	1	2	3	3
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**448.536**	**10.210**	**10.210**	**458.746**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**33.641**	-	-	**33.641**
-	Thu NSĐP hưởng 100%	8.532		-	8.532
-	Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia	25.109		-	25.109
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**414.895**	**10.210**	**10.210**	**425.105**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	113.185		-	113.185
2	Thu bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	147.505		-	147.505
3	Thu bổ sung có mục tiêu	154.205	10.210	10.210	164.415
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**			-	-
IV	**Thu kết dư**			-	-
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**			-	-
VI	**Thu để lại quản lý qua NSNN**				
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**448.536**	**10.210**	**10.210**	**458.746**
I	**Tổng chi cân đối NSĐP**	**448.536**	**10.210**	**10.210**	**458.746**
1	Chi đầu tư phát triển	750	10.210	10.210	10.960
2	Chi thường xuyên	436.581		-	436.581
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	-		-	-
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-		-	-
5	Dự phòng ngân sách	11.205		-	11.205
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-		-	-
II	**Chi các chương trình mục tiêu**	-	-	-	-
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền SDĐ				
3	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		-	-	-
III	**Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NS**	-		-	-
IV	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**				
C	**BỘI CHI NSĐP/BỘI THU NSĐP**				
D	**CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSĐP**				
E	**TỔNG MỨC VAY CỦA NSĐP**				



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN ĐỊNH

Biểu mẫu số 16

(Ban hành kèm theo Nghị định số: 31/2017/NĐ-CP của Chính phủ)

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 12/8/2026 của Hội đồng nhân dân phường Tân Định)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND phường giao năm 2026 tại Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/6/2026		Dự toán điều chỉnh đợt này		Tổng dự toán năm 2026 sau điều chỉnh	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5=1+3*	*6=2+4*
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A+B+C+D+E+F+G)	**4.084.000**	**448.536**	-	**10.210**	**4.084.000**	**458.746**
A	**Tổng các khoản thu NSNN (I+II+III+IV)**	**4.084.000**	**33.641**	-	-	**4.084.000**	**33.641**
I	**Thu nội địa**	**4.084.000**	**33.641**	-	-	**4.084.000**	**33.641**
1	Thu từ khu vực kinh tế Nhà nước	90.000	-			90.000	-
2	Thu từ khu vực kinh tế Đầu tư nước ngoài	250.000	-			250.000	-
3	Thuế CTN ngoài quốc doanh	2.400.000				2.400.000	-
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh		-			-	-
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.100.000				1.100.000	-
6	Thuế bảo vệ môi trường					-	-
7	Lệ phí trước bạ	170.000	25.109			170.000	25.109
8	Thu phí, lệ phí	2.000	292			2.000	292
-	*Phí và lệ phí trung ương*					-	-
-	*Phí và lệ phí tỉnh*					-	-
-	*Phí và lệ phí huyện, xã*		292			-	292
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					-	-
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7.000	7.000			7.000	7.000
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					-	-
12	Thu tiền sử dụng đất	3.000				3.000	-
13	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					-	-
14	Thu khác ngân sách	62.000	1.240			62.000	1.240
II	**Thu từ dầu thô**	-	-			-	-
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**	-	-			-	-
IV	**Thu viện trợ**	-	-			-	-
B	**THU CHUYỂN NGUỒN**	-	-			-	-
C	**THU KẾT DƯ**	-	-			-	-
D	**BỔ SUNG TỪ NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG**	-				-	-
E	**THU HUY ĐỘNG**	-	-			-	-
F	**THU BÁN ĐẤU GIÁ ĐẤT CÔNG**	-	-			-	-
G	**THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**	-	**414.895**		**10.210**	-	**425.105**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN ĐỊNH

Biểu mẫu số 17

(Ban hành kèm theo Nghị định số: 31/2017/NĐ-CP của Chính phủ)

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 12/8/2026 của Hội đồng nhân dân phường Tân Định)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán HĐND phường giao năm 2026 tại Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/6/2026	Dự toán điều chỉnh đợt này		Tổng dự toán năm 2026 sau điều chỉnh
			Dự toán giảm	Dự toán tăng để thực hiện các nhiệm vụ chi	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4=1+2+3*
	TỔNG CHI NSĐP	**448.536**	**-**	**10.210**	**458.746**
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**448.536**	**-**	**10.210**	**458.746**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**750**		**10.210**	**10.960**
1	Chi đầu tư cho các dự án			-	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			-	
3	Chi đầu tư phát triển khác			-	
II	**Chi thường xuyên**	**436.581**		**-**	**436.581**
	Trong đó:				
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	183.355			183.355
2	*Chi khoa học và công nghệ*				
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**				-
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**				-
V	**Dự phòng ngân sách**	**11.205**			**11.205**
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**			-	-
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	-	-	-	-
I	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**		-		-
II	**Chi đầu tư phát triển**	-	-	-	-
III	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**	-	-	-	-
C	**CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NS**	-	-	-	-
D	**CHI CHUYỂN NGUỒN NĂM SAU**				



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN ĐỊNH

Biểu mẫu số 34

(Ban hành kèm theo Nghị định số: 31/2017/NĐ-CP của Chính phủ)

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 12/8/2026 của Hội đồng nhân dân phường Tân Định)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND phường giao năm 2026 tại Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/6/2026	Dự toán điều chỉnh đợt này		Tổng dự toán năm 2026 sau điều chỉnh
			Dự toán giảm	Tăng để thực hiện các nhiệm vụ chi	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*5=1+4*
	TỔNG CHI NSĐP (A+B+C+D)	**448.536**	**-**	**10.210**	**458.746**
A	**CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI**				
B	**CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC**	**448.536**	**-**	**10.210**	**458.746**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**750**	**-**	**10.210**	**10.960**
II	**Chi thường xuyên**	**436.581**	**-**	**-**	**436.581**
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	183.355			183.355
-	Chi khoa học và công nghệ	-			-
-	Chi quốc phòng	14.777			14.777
-	Chi An Ninh và trật tự an toàn xã hội	9.466			9.466
-	Chi y tế, dân số và gia đình	53.524			53.524
-	Chi văn hóa thông tin	7.041			7.041
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	-			-
-	Chi bảo vệ môi trường	13.574			13.574
-	Chi các hoạt động kinh tế	24.881			24.881
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	69.998			69.998
-	Chi bảo đảm xã hội	57.192			57.192
-	Chi thường xuyên khác	2.773			2.773
III	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**	-	-	-	-
IV	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**				
V	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**				
VI	**Dự phòng ngân sách**	**11.205**			**11.205**
VII	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**				-
C	**CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH**				
D	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN ĐỊNH

Biểu số 35

(Ban hành kèm theo Nghị định số: 31/2017/NĐ-CP của Chính phủ)

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 12/8/2026 của Hội đồng nhân dân phường Tân Định)

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể CTMTQG, CTMT)	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi do Chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương, chế độ chính	Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	**458.746.000.000**	**10.960.000.000**	**436.581.000.000**	**0**	**0**	**11.205.000.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
I	**Các cơ quan, tổ chức**	**436.581.000.000**	**-**	**436.581.000.000**								
1	Văn phòng HĐND và UBND	157.184.931.000		157.184.931.000								
2	Văn phòng Đảng ủy phường	12.802.583.000		12.802.583.000								
3	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo	161.920.156.000		161.920.156.000								
3.1	Trường Mầm non Hoa Quỳnh	7.402.273.000		7.402.273.000								
3.2	Trường Mầm non Tân Định	9.602.737.000		9.602.737.000								
3.3	Trường Mầm non Bé Ngoan	14.293.973.000		14.293.973.000								
3.4	Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng	24.113.455.000		24.113.455.000								
3.5	Trường Tiểu học Trần Khánh Dư	11.303.284.000		11.303.284.000								
3.6	Trường Tiểu học Đuốc Sống	19.686.118.000		19.686.118.000								
3.7	Trường Trung học cơ sở Trần Văn Ơn	40.811.160.000		40.811.160.000								
3.8	Trường Trung học cơ sở Văn Lang	15.105.607.000		15.105.607.000								
3.9	Trường Trung học cơ sở Huỳnh Khương Ninh	19.601.549.000		19.601.549.000								
4	Ủy ban MTTQ Việt Nam phường	7.019.038.000		7.019.038.000								
5	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Tân Định	37.277.000.000		37.277.000.000								
6	Trạm Y tế phường Tân Định	23.987.070.000		23.987.070.000								
7	Khác	36.390.222.000		36.390.222.000								
II	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**	0										
III	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	0										
IV	**Dự phòng ngân sách**	**11.205.000.000**					11.205.000.000					
V	**Chi tăng thu dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương**	0										
VI	**Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới**	0										
VII	**Chi tăng thu dự toán chi chế độ, chính sách phát sinh**	0										
VIII	**Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau**	0										

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN ĐỊNH

Biểu số 37

(Ban hành kèm theo Nghị định số: 31/2017/NĐ-CP của Chính phủ)

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 12/8/2026 của Hội đồng nhân dân phường Tân Định)

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh truyền hình, thông tấn	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi QLNN, Đảng, Đoàn thể	Chi sự nghiệp xã hội	Chi khác	Chi tăng thu dự toán tạo nguồn CCTL, chi chế độ chính sách phát sinh	Chi bổ sung ngân sách cấp dưới	Chi dự phòng ngân sách
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ	**447.786.000.000**	183.355.000.000	0	14.777.000.000	9.466.000.000	53.524.000.000	7.041.000.000	0	13.574.000.000	24.881.000.000	69.998.000.000	57.192.000.000	2.773.000.000			11.205.000.000
I	**Các cơ quan, tổ chức**	**436.581.000.000**	183.355.000.000	0	14.777.000.000	9.466.000.000	53.524.000.000	7.041.000.000	0	13.574.000.000	24.881.000.000	69.998.000.000	57.192.000.000	2.773.000.000			0
1	Văn phòng HĐND và UBND	157.184.931.000	768.000.000		14.443.000.000	9.181.000.000	29.125.000.000	733.000.000		581.000.000	34.000.000	45.222.931.000	57.097.000.000				
2	Văn phòng Đảng ủy phường	12.802.583.000										12.802.583.000					
3	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo	161.920.156.000	161.920.156.000														
3.1	*Trường Mầm non Hoa Quỳnh*	*7.402.273.000*	*7.402.273.000*														
3.2	*Trường Mầm non Tân Định*	*9.602.737.000*	*9.602.737.000*														
3.3	*Trường Mầm non Bé Ngoan*	*14.293.973.000*	*14.293.973.000*														
3.4	*Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng*	*24.113.455.000*	*24.113.455.000*														
3.5	*Trường Tiểu học Trần Khánh Dư*	*11.303.284.000*	*11.303.284.000*														
3.6	*Trường Tiểu học Đuốc Sống*	*19.686.118.000*	*19.686.118.000*														
3.7	*Trường Trung học cơ sở Trần Văn Ơn*	*40.811.160.000*	*40.811.160.000*														
3.8	*Trường Trung học cơ sở Văn Lang*	*15.105.607.000*	*15.105.607.000*														
3.9	*Trường Trung học cơ sở Huỳnh Khương Ninh*	*19.601.549.000*	*19.601.549.000*														
4	Ủy ban MTTQ Việt Nam phường	7.019.038.000										7.019.038.000					
5	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Tân Định	37.277.000.000						1.898.000.000		12.856.000.000	22.523.000.000						
6	Trạm Y tế phường Tân Định	23.987.070.000					23.987.070.000										
7	Khác	36.390.222.000	20.666.844.000		334.000.000	285.000.000	411.930.000	4.410.000.000		137.000.000	2.324.000.000	4.953.448.000	95.000.000	2.773.000.000			
	Trong đó: CCTL	*2.042.000.000*						*2.042.000.000*									
II	**Chi một số nhiệm vụ khác theo chế độ**	0															
III	**Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương**	0															
IV	**Dự phòng NS phường**	**11.205.000.000**															11.205.000.000
V	**Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau**																
VI	**Chi bổ sung ngân sách cấp dưới**	0															